

Bản án số: **811/2025/HS-PT**

Ngày: 04-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Lê Quang Chiều**

Ông **Nguyễn Văn Chương**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thơm** -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 608/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Thị K do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. LÊ THỊ V, sinh ngày 12/11/1969 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn B, xã P, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Giáo viên; Là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 86-QĐ/UBKTHU ngày 24/6/2024 của Huyện ủy P2; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D (đã mất) và bà Nguyễn Thị B; có chồng Nguyễn Hữu B1 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

20/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 - Công an thành phố H, có mặt.

2. NGUYỄN THỊ K, sinh ngày 22/10/1975 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: Số B L, phường L, thị xã S, thành phố Hà Nội; (nay là: Số B L, phường N, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Giáo viên; Là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 88-QĐ/UBKTHU ngày 26/6/2024 của Huyện ủy P2; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã mất) và bà Kiều Thị N; có chồng Nguyễn Hữu L và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 - Công an thành phố H, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị V:*

Ông **Phạm Xuân N1** - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K:*

Ông **Nguyễn Quốc T1** - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thị H và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị V được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở (THCS) Sen Chiểu, huyện P, Hà Nội từ ngày 16/10/2017. Năm 2020, xã P và xã S sáp nhập với nhau thành xã S, trường THCS S và trường THCS P3 sáp nhập thành trường THCS S1, Lê Thị V được bổ nhiệm tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS S1, huyện P, Hà Nội. Nguyễn Thị K là Chủ tịch Công đoàn trường THCS S, từ năm 2020 đến khi bị bắt là Chủ tịch Công đoàn trường THCS S1. Theo quy định tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố H quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 22), trong tổng số tiền thu được từ các học sinh tham gia học thêm tại trường phải trả cho giáo viên trực tiếp giảng dạy 70%; chi cho công tác quản lý dạy thêm học thêm của nhà trường 15% và hỗ trợ chi tiền

điện, nước, vệ sinh và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm 15%.

Do thiếu giáo viên dạy thêm nên V đã ký hợp đồng dạy thêm với một số giáo viên (không phải viên chức của T2).

Trong các năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021, V ký Hợp đồng thuê dạy thêm, thỏa thuận với những giáo viên dạy thêm tại nhà trường sẽ được nhận 250.000 đồng đến 350.000 đồng/buổi dạy thêm, số tiền còn lại phải nộp cho nhà trường, lấy danh nghĩa là ủng hộ cho nhà trường. Để che dấu hành vi của mình, V đã chỉ đạo Nguyễn Thị Thu L1 (là kế toán nhà trường) làm chứng từ trả lương cho các giáo viên đúng 70% số tiền dạy thêm nhà trường thu được như quy định tại Quyết định số 22 vào tài khoản ngân hàng của giáo viên. Sau khi các giáo viên thỉnh giảng (dạy thêm) nhận được tiền thù lao dạy thêm vào tài khoản của mình, V yêu cầu giáo viên nộp lại số tiền chênh lệch bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản của Lê Thị Tố U (là thủ quỹ của trường).

1. Căn cứ vào các tài liệu hồ sơ có trong vụ án đến nay xác định được từ năm học 2019-2020, 2020-2021 có 03 (ba) giáo viên thỉnh giảng đã nộp lại tổng số tiền là: 57.987.700 đồng, cụ thể như sau:

1.1. Chị Đặng Thị N2 là giáo viên Hợp đồng dạy thêm môn Tiếng Anh của trường THCS S1 từ năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022. Sau khi được nhận vào làm giáo viên thỉnh giảng, V gặp riêng N2 tại phòng làm việc, trao đổi mỗi buổi dạy thêm chỉ nhận được 250.000 đồng/buổi, số tiền còn lại phải chuyển cho nhà trường. Sau khi nhận được tiền công dạy thêm, V đều yêu cầu chị N2 rút ra rồi nộp lại bằng tiền mặt cho U. Cụ thể:

- Ngày 21/01/2020: Chị N2 nhận được tiền lương dạy thêm 11.390.400 đồng/19 buổi, ngay sau đó V gọi cho chị N2 yêu cầu nộp lại cho nhà trường số tiền 6.590.400 đồng, chị N2 đã đưa số tiền này cho chồng của mình là Nguyễn Tây Đ (sinh năm 1995) nộp trực tiếp cho V, còn thực nhận được là 4.800.000 đồng.

- Ngày 30/6/2020: Chị N2 nhận vào tài khoản 11.062.800 đồng/19 buổi tiền thù lao dạy thêm học kỳ II của năm học 2019-2020, N2 nộp lại cho U số tiền là 6.262.800 đồng, còn nhận được là 4.800.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020: Chị N2 được nhận vào tài khoản 32.993.100 đồng/68 buổi tiền dạy thêm học kỳ I năm học 2020-2021, N2 nộp lại cho U số tiền 15.993.100 đồng, còn được nhận 17.000.000 đồng.

- Ngày 18/5/2021: Chị N2 được nhận vào tài khoản 30.540.400 đồng/65 buổi tiền dạy thêm học kỳ II năm học 2020-2021, N2 nộp lại cho U số tiền 16.250.000 đồng, còn được nhận được 14.290.400 đồng.

1.2. Chị Phan Thị T3 là giáo viên Hợp đồng dạy thêm môn Ngữ Văn năm học 2019-2020 và 2020-2021. Khi đến giảng dạy tại trường S1, tại phòng làm việc của V, T3 có mặt cùng Đặng Thị N2, Nguyễn Thị H1. V đã thoả thuận tiền công dạy thêm là 250.000 đồng/buổi, số tiền còn lại nộp cho nhà trường.

- Ngày 26/12/2020, T3 đã nộp cho L1 số tiền 7.042.000 đồng.

1.3. Anh Nguyễn Toàn T4 là giáo viên Hợp đồng dạy thêm môn Ngữ Văn của trường THCS S1 trong năm học 2020-2021. Năm học 2020-2021, tại phòng làm việc của mình, V đã yêu cầu T4 mỗi buổi dạy thêm chỉ được nhận số tiền 250.000 đồng/buổi, số tiền còn lại phải chuyển cho nhà trường. Cụ thể:

- Ngày 25/12/2020, anh T4 được trả vào tài khoản số tiền là 8.857.800 đồng/17 buổi dạy thêm, anh T4 nộp lại cho L1 bằng tiền mặt số tiền 4.607.000 đồng vào ngày 26/12/2020, còn nhận được 4.250.000 đồng.

- Ngày 18/5/2021, anh T4 được trả vào tài khoản số tiền là 6.199.200 đồng/12 buổi dạy thêm, anh T4 nộp lại cho U bằng tiền mặt số tiền 3.199.200 đồng, còn nhận được 3.000.000 đồng.

2. Từ năm học 2022 2023, 2023 2024, V thống nhất với Nguyễn Thị K, đồng ý cho K trao đổi với các giáo viên hợp đồng dạy thêm về việc mỗi buổi dạy thêm chỉ được nhận 250.000 đồng đến 350.000 đồng/buổi và thu lại tiền chênh lệch như đã nêu trên. V hoặc Khuyên sẽ thông báo đến từng giáo viên dạy thêm về số tiền chênh lệch này sau đó K thu lại và nộp về cho thủ quỹ U. Ngoài ra, K còn yêu cầu thu thêm 100.000 đồng/buổi trong số tiền 350.000 đồng/buổi dạy thêm mà giáo viên dạy thêm được nhận của một số giáo viên dạy thêm với danh nghĩa ủng hộ quỹ Công đoàn trường THCS S1. Căn cứ vào các tài liệu hồ sơ có trong vụ án đến nay xác định

được có 03 (ba) giáo viên thỉnh giảng đã nộp lại tổng số tiền là 56.267.000 đồng, cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Toàn T4 là giáo viên hợp đồng dạy thêm môn Ngữ Văn của trường THCS S1 trong năm học 2022 - 2023. Năm học 2022 - 2023, V thỏa thuận với T4 mỗi buổi dạy sẽ nhận được 350.000 đồng/buổi.

Năm học 2022-2023, số tiền anh T4 nộp cho U là 7.523.000 đồng, K là 2.400.000 đồng.

+ Ngày 19/12/2022, anh T4 được trả vào tài khoản số tiền là 10.962.000 đồng/ 24 buổi dạy thêm, anh T4 nộp lại cho U bằng tiền mặt số tiền 2.562.000 đồng, còn nhận được 8.340.000 đồng. Cũng trong ngày này, K trực tiếp gặp anh T4 và yêu cầu nộp 100.000 đồng/buổi cho quỹ Công đoàn, anh T4 đã nộp cho K thông qua hình thức chuyển khoản số tiền 2.400.000 đồng/24 buổi.

+ Ngày 09/3/2023, anh T4 được trả vào tài khoản số tiền 10.962.000 đồng /24 buổi dạy thêm, anh T4 nộp lại cho U bằng hình thức chuyển khoản số tiền 2.562.000 đồng, còn nhận được 8.340.000 đồng.

+ Ngày 16/5/2023, anh T4 được trả vào tài khoản số tiền 10.098.000 đồng/ 22 buổi dạy thêm, anh T4 nộp lại cho U bằng hình thức chuyển khoản số tiền 2.399.000 đồng, còn nhận được 7.700.000 đồng.

2.2. Chị Đào Hồng N3 ký Hợp đồng dạy thêm môn Tiếng Anh với trường THCS S1 trong năm học 2022-2023.

Năm học 2022-2023, chị N3 đã nộp lại tổng số 33.445.000 đồng, trong đó nộp lại cho nhà trường số tiền 18.445.000 đồng, K còn giữ lại để chi tiêu hoạt động công đoàn nhà trường số tiền là 15.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 19/12/2022, chị N3 được trả vào tài khoản số tiền 29.269.800 đồng/60 buổi dạy thêm. Theo lời K yêu cầu, N3 nộp lại cho U bằng hình thức chuyển khoản số tiền 8.270.000 đồng, chuyển vào tài khoản của K số tiền 100.000 đồng/60 buổi là 6.000.000 đồng.

Các lần sau đó, K yêu cầu chị N3 chuyển thẳng vào tài khoản của K số tiền chênh lệch và số tiền 100.000 đồng/buổi, K sẽ có trách nhiệm chuyển phần tiền đó cho nhà trường:

- Ngày 09/3/2023, chị N3 được trả vào tài khoản số tiền 19.294.800 đồng/40 buổi dạy thêm, chị N3 nộp lại cho K bằng hình thức chuyển khoản 9.294.000 đồng, còn nhận lại 10.000.800 đồng. Sau đó K đã nộp lại cho U số tiền 5.294.000 đồng, K giữ lại 4.000.000 đồng.

- Ngày 16/5/2023, chị N3 được trả vào tài khoản số tiền 22.381.800 đồng/ 50 buổi, chị N3 nộp lại cho K bằng hình thức chuyển khoản 9.881.000 đồng, còn nhận lại 12.500.000 đồng. Sau đó K đã nộp lại cho U số tiền 4.881.000 đồng, K giữ lại 5.000.000 đồng.

2.3. Chị Kiều Ngọc Á ký hợp đồng dạy thêm môn Tiếng Anh với trường THCS S1 trong năm học 2023-2024.

Khoảng tháng 8/2023, chị Á biết trường THCS S1 đang tìm giáo viên thỉnh giảng, qua sự giới thiệu, chị Á gặp K. Khuyến trao đổi việc chị Á dạy thỉnh giảng Tiếng Anh thì nhà trường sẽ trả tiền công dạy thêm là 350.000 đồng/buổi, chị Á cũng đồng ý. Đến ngày 30/8/2023 ký hợp đồng thỉnh giảng với nhà trường. Sau đó chị Á đến trường THCS S1 thì Khuyến chỉ cho chị Á lên gặp V, V đã gọi riêng Á, Phạm Thị C (sinh năm 1980, trú tại 7/1, phố P, phường Q, thị xã S, Hà Nội), Nguyễn Thị N4 (sinh năm 2001, HKTT: Số nhà D, P, P, S, Hà Nội) đều là các giáo viên thỉnh giảng) lên phòng làm việc riêng và yêu cầu với cả 3 người là sẽ trả cho mỗi người số tiền 350.000 đồng/buổi dạy thêm buổi chiều. Vào tháng 11/2023, chị Á được K mời lên phòng làm việc của V, sau đó K, V cùng lần lượt nhắc lại cho Á về việc mỗi buổi dạy thêm chỉ nhận được 350.000 đồng/buổi, số tiền còn lại chuyển cho nhà trường.

Trong năm học 2023-2024, chị Á đã nộp lại cho nhà trường số tiền 12.900.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 13/12/2023, chị Á được trả vào tài khoản số tiền 27.972.000 đồng/43 buổi dạy thêm. Á nộp lại cho U bằng hình thức chuyển khoản số tiền 12.900.000 đồng, còn nhận lại 15.072.000 đồng.

2.4. Đối với chị Phạm Thị C là giáo viên thỉnh giảng môn tiếng Anh năm học 2023-2024 (Hợp đồng từ ngày 30/8/2023 đến 20/5/2024) cũng là người có mặt cùng chị Kiều Ngọc Á được V thỏa thuận dạy học tiền công 350.000 đồng/buổi dạy bằng miệng không có hợp đồng, phần còn thừa để trả cho bảo vệ, nước uống, người giữ sổ đầu bài, mở lớp, quét lớp...

Ngày 18/10/2023, K gọi điện qua zalo cho chị C hỏi han về chất lượng đào tạo và học sinh tham gia, K nói với chị C là mỗi buổi dạy K thu thêm 100.000 đồng nữa, còn lại 250.000 đồng nhưng chị C không đồng ý và nói sẽ không chuyển tiền cho K. K nói với chị C “*Mày không dạy được thì tao tìm người khác*”. Ngày 28/10/2023, chị C không thấy có tên trong lịch giảng dạy thì được Khuyến báo là dạy hết tháng 10/2023 thì nghỉ. Sau đó chị C đã bị nhà trường chấm dứt hợp đồng.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các giáo viên thỉnh giảng, Lê Thị V khai đã chỉ đạo sử dụng chi tiêu vào các hoạt động của nhà trường như mua đồ lễ tết, thấp hương, liên hoan, du lịch, tham quan, học tập của các cán bộ giáo viên nhà trường và chi cho công tác phục vụ như bảo vệ, giáo viên điểm danh sỹ số phục vụ công tác dạy thêm, nộp cho Phòng giáo dục và đào tạo huyện P.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã quyết định:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2024.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2025 bị cáo Lê Thị V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/6/2025 bị cáo Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án cấp sơ thẩm đã tuyên; bỏ lọt tội phạm là kế toán, thủ quỹ nhà trường và không được đối chất tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo Lê Thị Văn G nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do sức khỏe yếu, huyết áp cao đã phẫu thuật; gia đình hoàn cảnh, mẹ chồng là vợ liệt sỹ và có mình chồng là con một. Bị cáo Nguyễn Thị K thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo không thống nhất với bị cáo V; không trao đổi với giáo viên thỉnh giảng; cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm là kế toán và thủ quỹ nhà trường. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị K về việc bỏ lọt tội phạm thì không có căn cứ chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị V không có ý kiến gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K không có ý kiến tranh luận gì chỉ đề nghị chấp nhận quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo làm vì lòng tốt, vì tập thể và do không hiểu biết pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K đều đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù biết rõ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố H quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định về việc tỷ lệ phải chi: 70% chi thù lao giáo viên trực tiếp giảng dạy thêm, nhưng lợi dụng chức vụ là Hiệu trưởng, V đã yêu cầu và thực tế chỉ trả cho các giáo viên thỉnh giảng (dạy thêm) từ 250.000 đồng đến 350.000 đồng/buổi dạy thêm, số còn lại phải chuyển lại cho nhà trường. Từ các năm học 2019 - 2020; 2020 - 2021, giáo viên Đặng Thị N2, Nguyễn Toàn T4, Phan Thị T3 đã nhiều lần phải nộp lại tổng số tiền dạy thêm đáng ra họ được hưởng là 57.987.700 đồng. Cùng với cách thức tương tự trên, năm học 2022 - 2023; 2023 - 2024, Lê Thị V đã cùng với Nguyễn Thị K là chủ tịch Công đoàn trường THCS S2 P đồng ý để cho K trao đổi mức chi trả thực tế cho giáo viên thỉnh giảng 250.000 đồng/1 buổi và trực tiếp thu lại tiền Đào Hồng N3, Nguyễn Toàn T5; Năm học 2023-2024, chỉ chi trả thực tế cho giáo viên Kiều Ngọc Á số tiền 350.000 đồng/buổi dạy thêm, sau đó Á đã nộp lại cho U theo yêu cầu của K. Những năm học này các giáo viên Nguyễn Toàn T4, Đào H, Kiều Ngọc Á đã nhiều lần phải nộp lại tổng số tiền dạy thêm đáng ra họ được hưởng là: 56.627.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, vai trò của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như: bị cáo Lê Thị V có vai trò chính trong vụ án, bị cáo Nguyễn Thị K thực hiện với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo V trong các năm học 2022-2023, 2023 -2024; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; gia đình bị cáo có công với cách mạng (bố chồng, chú chồng là liệt sĩ), các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị K thực hiện với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo Lê Thị V trong các năm học 2022-2023, 2023 -2024; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo (do bị cáo có khai nhận các nội dung khác như nhận tiền của các giáo viên theo sự chỉ đạo của V); bị cáo phạm tội lần đầu, chưa tiền án, tiền sự; trong quá trình công tác bị cáo đã được nhận nhiều giấy khen. Tuy nhiên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Thị K đều cùng 36 tháng tù về tội *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”* là chưa phân hóa vai trò của các bị cáo và có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố đẻ ông Nguyễn Hữu T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; các bị cáo phạm tội vì lợi ích của tập thể, không vì động cơ cá nhân; hậu quả của vụ án đã được khắc phục toàn bộ. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Thị K, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

Đối với đề nghị của bị cáo Nguyễn Thị K về việc bỏ lọt tội phạm thì chị Lê Thị Tô U (thủ quỹ), Nguyễn Thị Thu L1 (kế toán) là người trực tiếp thu tiền do giáo viên thỉnh giảng nộp và phụ trách việc chi tiêu của nhà trường, biết việc các giáo viên thỉnh giảng nộp lại tiền chênh lệch từ tiền lương dạy thêm và chỉ nhận 250.000 đồng đến 350.000 đồng/01 buổi. Tuy nhiên, U và L1 không bàn bạc trong việc yêu cầu giáo viên nộp lại tiền và chỉ thực hiện theo chỉ đạo của V. Cơ quan điều tra không xem xét hành vi nêu trên của U và L1 là có căn cứ, nên đề nghị của bị cáo Nguyễn Thị K là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Thị K kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự,

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị V 20** (Hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **20/6/2024** về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị K 18** (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **20/6/2024** về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Văn P1, Nguyễn Thị K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Thị hành án dân sự TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân khu vực 9;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- Các bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Ngọc Cảnh